

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-PT.

Ngày: 13 – 01 – 2023

V/v: “T/c quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Lâm

Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Kiều Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 128/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 154/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Minh T; địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Hữu N; địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Huỳnh Thị M; địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Ông Huỳnh Hữu H; địa chỉ: ấp T1, thị trấn Rạch G, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3.3. Ông Huỳnh Hữu L; địa chỉ: ấp 6, thị trấn K1, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.4. Ông Huỳnh Văn Q; địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.5. Bà Huỳnh Thị K; địa chỉ: ấp T2, xã T3, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị K: bà M; địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (Theo giấy uỷ quyền được Ủy ban nhân dân xã T3 chứng thực ngày 09/5/2022)

3.6. Bà Huỳnh Thị R; địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.7. Bà Trương Thị Y; địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3.8. Bà Võ Thị Ngọc V; địa chỉ: ấp Hòa Q1, xã H1, huyện P, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở: ấp B, xã B1, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người kháng cáo: ông Huỳnh Minh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Huỳnh Minh T trình bày: Nguồn gốc đất là của bà Trần Thị U là mẹ của nguyên đơn và bị đơn đứng tên có tổng diện tích khoảng 50 công. Khi anh chị lớn lên lập gia đình riêng tư thì có chia phần, phần còn lại 13.100m²; nguyên đơn là con út trong gia đình, sống chung với mẹ từ nhỏ cùng canh tác từ trước năm 1993 tới nay. Năm 1999 khi nguyên đơn đi bộ đội về thì mẹ có cho phần đất bờ xáng kinh Mười Thước, diện tích 3.428,4m² và 04 công tầm lớn đất trồng lúa; phần còn lại cho nguyên đơn canh tác để nuôi đứa cháu nội, đến khi nguyên đơn làm đơn xin làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh chị trong gia đình không đồng ý nên xảy ra tranh chấp.

Nay đời sống kinh tế gặp nhiều khó khăn, phần đất Bờ Xáng mẹ cho từ trước năm 2000 nguyên đơn canh tác đến giờ có trồng 25 cây dừa 06 năm và 30 cây đu đủ cho trái, bị ông N chặt phá rồi đem chuối vô trồng. Ngày 15/7/2020, ông N lại mượn Xáng lên líp thì nguyên đơn đứng ra ngăn cản thì ông N cùng con trai là Huỳnh Hữu D cầm cây đánh nguyên đơn có ông Nguyễn Hữu X (trưởng ấp) và ông Trần Văn B1 (công an ấp) chứng kiến.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông N phải trả lại diện tích đất mà trước đây mẹ nguyên đơn đã cho nguyên đơn là 3.428,4m² và

04 công tằm lớn đất trồng lúa. Buộc ông N bồi thường cho nguyên đơn 25 cây dừa và 30 cây đu đủ đã chặt phá của nguyên đơn. Ngày 03/11/2021, nguyên đơn có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu 04 công đất ruộng. Ngày 15/3/2021, nguyên đơn có ý kiến rút lại yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với 25 cây dừa và 30 cây đu đủ.

Bị đơn ông Huỳnh Hữu N tại phiên tòa sơ thẩm trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Trần Thị U, bà U được cấp giấy chứng nhận tạm thời từ năm 1993. Phần tranh chấp thì ông Huỳnh Minh T chỉ sử dụng sau khi bà U chết. Ông N sử dụng phần đất này là do được ông Huỳnh Hữu H2 là cha của nguyên đơn và bị đơn cho trước khi bà U chết thì không tặng cho ai hết, sau khi chết cũng không có di chúc để lại; không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi lại đất nếu nguyên đơn yêu cầu phân chia di sản thừa kế thì ông đồng ý. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Huỳnh Thị C1, bà C1 cho lại bà Trần Thị U, sinh năm 1933 (chết năm 2010). Bà U có chồng là ông Huỳnh Hữu H2, ông H2 bỏ bà U từ năm 1984 và về sống với bà Nguyễn Thị O và có 01 người con với bà O là Huỳnh Hữu L1 (Huỳnh Hữu H2 chết năm 2020). Giữa bà Trần Thị U với ông Huỳnh Hữu H2 có 08 con chung Huỳnh Hữu H, Huỳnh Hữu L, Huỳnh Hữu N, Huỳnh Thị K, Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị R, Huỳnh Minh T, Huỳnh Văn Q.

Phần đất này bà U đã được cấp giấy chứng nhận tạm thời; bà Trần Thị U chết không có để lại di chúc, trước khi bà U chết đòi bán chứ không chia cho ai. Theo bà M bà U do bà M nuôi dưỡng và quản lý toàn bộ phần đất của bà U, ông T còn nhỏ ở chung nhà đi học và sau này đi nghĩa vụ đến năm 2000 thì về cưới vợ, bà M có giao lại cho ông T một phần đất canh tác và việc bà M giao lại thì bà U biết nhưng sau đó bà U chết thì ông T sử dụng toàn bộ phần đất này. Bà M khẳng định là bà U không cho đất ông T; phần đất này hiện nay thì ông N đã chiếm sử dụng 3.428,4m².

Yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà không thống nhất vì phần đất này bà Trần Thị U chưa phân chia cho ai. Theo bà thì các bên có quyền yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hữu H, bà Huỳnh Thị R, ông Huỳnh Văn Q trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông Huỳnh Minh T và ông Huỳnh Hữu N là của Trần Thị U đã được cấp giấy tạm; trong đó có diện tích 3.428,4m² đang tranh chấp giữa ông Huỳnh Minh T và ông Huỳnh Hữu N. Khi còn sống bà Trần Thị U có giao phần đất này cho bà M và Huỳnh Thị K quản lý, sử dụng để thu hoa lợi nuôi dưỡng bà Trần Thị U, phần đất này bà U chưa cho bất kỳ người con nào hết và bà Trần Thị U chết cũng không để lại di chúc. Theo ông H là do ông Huỳnh Minh T gây áp lực với bà M và bà Huỳnh Thị K để chiếm dụng toàn bộ phần đất còn theo bà Hoa thì do ông T ở với bà U từ nhỏ nên khi bà U chết thì ông T tiếp tục sử dụng. Theo ông H, bà Huỳnh Thị R, ông Huỳnh Văn Q phần đất này đã bị ông Huỳnh Hữu N chiếm từ ông Huỳnh Minh T để quản lý sử dụng cho đến nay.

Đối với yêu cầu của ông Huỳnh Minh T đòi ông Huỳnh Hữu N trả lại phần đất 3.428,4m² được bà Trần Thị U tặng cho thì ông H, bà Huỳnh Thị R, ông Huỳnh Văn Q không thống nhất; Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hữu L trình bày: Phần đất tranh chấp là tài sản của bà U chưa được phân chia, trước khi chết bà U không tặng cho và cũng không để lại di chúc phần đất này cho ai, theo ý kiến của ông L thì nguyên đơn và bị đơn nên tự thỏa thuận phân chia mỗi người một nửa.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà M là đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Huỳnh Thị K trình bày: Đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không chia cho bị đơn mà phần đất tranh chấp nên chia cho hai đứa cháu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị Y vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh T về việc buộc bị đơn ông Huỳnh Hữu N trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 3.428,4 mét vuông, thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 49 (bản đồ chính quy) tọa lạc

tại ấp B, xã B1, huyện P, tỉnh Hậu Giang theo lược đồ giải thửa số 1697/CNVPĐKĐĐ ngày 06/5/2019 của Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện P.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh T về việc buộc bị đơn ông Huỳnh Hữu N phải trả lại phần đất 4 công tằm lớn đất trồng lúa và yêu cầu bồi thường thiệt hại 25 cây dừa và 30 cây đu đủ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn ông Huỳnh Minh T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo: yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại phần diện tích đất 3.428,4m² trong diện tích 4.600m² trong tổng diện tích 13.100m²

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đòi bị đơn trả lại quyền sử dụng đất diện tích 3.428,4m². Bị đơn và bà Võ Thị Ngọc V không đồng ý trả đất và chỉ đồng ý chia thừa kế theo pháp luật. Ông Huỳnh Hữu H, ông Huỳnh Hữu L, bà Huỳnh Thị R và Huỳnh Thị K có bà M đại diện theo ủy quyền của bà K yêu cầu giải quyết chia thừa kế theo pháp luật. Bà M thì đề nghị chia đôi phần đất cho nguyên đơn và bị đơn. Ông Huỳnh Văn Q thì cho rằng bà U cho T bằng miệng và T cũng đã sử dụng chung bà U từ nhỏ nên đề nghị giao cho T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng. Về nội dung, theo quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thì phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà Trần Thị U; trước khi chết bà Trần Thị U không có tặng cho phần đất này cho bất kỳ người con nào và cũng không có di chúc để lại đất cho ai, nên phần đất tranh chấp vẫn còn là di sản thừa kế của bà Trần Thị U. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng đã được bà U tặng cho nguyên đơn trước khi chết nhưng không được bị đơn và tất cả anh chị em trong gia đình thừa nhận; nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc tặng cho, nên kháng cáo của nguyên đơn chưa đủ cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích 3.428,4m² là do mẹ ruột là bà Trần Thị U tặng cho khi còn sống, sau đó bị ông Huỳnh Hữu N chiếm lấy và sử dụng, nên yêu cầu đòi lại. Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận phần đất có nguồn gốc là của bà Trần Thị U; Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 49 (bản đồ chính quy) tọa lạc tại ấp B, xã B1, huyện P, tỉnh Hậu Giang, tương ứng với thửa 180 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời số 1149/HĐCGCNRĐ ngày 18/9/1993 cấp cho bà Trần Thị U và đối chiếu với lược đồ giải thửa số 1697/CNVPĐKĐĐ ngày 06/5/2019 của Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện P xác định nguồn gốc là của bà Huỳnh Thị C1 tặng cho bà Trần Thị U, sau đó bà U quản lý, sử dụng, kê khai, đăng ký thì đến ngày 18/9/1993 được cấp giấy chứng nhận ruộng đất tạm thời, đến nay không ai khác đăng ký, kê khai phần đất này. Từ tài liệu chứng cứ nêu trên cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng hợp pháp được pháp luật thừa nhận là bà Trần Thị U là có căn cứ.

[2] Nguyên đơn thừa nhận nguồn gốc đất của bà Trần Thị U, nhưng cho rằng đã được bà U tặng cho nhưng không đưa ra được cơ sở chứng cứ để chứng minh đã được bà U tặng cho phần đất đang tranh chấp; Trong khi đó bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như: bà Huỳnh Thị M, ông Huỳnh Hữu H, ông Huỳnh Hữu L, bà Huỳnh Thị K, bà Huỳnh Thị R đều không thừa nhận việc bà U có tặng cho nguyên đơn phần đất tranh chấp này. Do đó, chưa có căn cứ xác lập quyền sử dụng đất cho nguyên đơn nên quyền yêu cầu đòi lại đất của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[3] Phần đất vẫn đang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị U. Năm 2010, bà U chết phát sinh quyền thừa kế. Cấp sơ thẩm đã giải thích về quyền yêu cầu chia thừa kế phần di sản do bà Trần Thị U để lại nhưng nguyên đơn và các đương sự đều chưa có yêu cầu. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; trên cơ sở như nhận định tại [2] cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Do phần đất tranh chấp là di sản thừa kế của bà Trần Thị U chưa được phân chia. Vì vậy, các đồng thừa kế của bà Trần Thị U đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau và có quyền tự thỏa thuận định đoạt di sản thừa kế của bà U theo quy định của pháp luật về thừa kế. Trường hợp không thỏa thuận được mà phát sinh tranh chấp thì được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh Minh T; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 610, Điều 614, Điều 649, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 202, Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh Minh T.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Minh T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh T về việc buộc bị đơn ông Huỳnh Hữu N trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 3.428,4m², thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 49 (bản đồ chính quy) tọa lạc tại ấp B, xã B1, huyện P, tỉnh Hậu Giang theo lược đồ giải thửa số 1697/CNVPĐKĐĐ ngày 06/5/2019 của Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện P. *(có lược đồ kèm theo)*

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh T về việc buộc bị đơn ông Huỳnh Hữu N phải trả lại phần đất 04 công tằm lớn đất trồng lúa và yêu cầu bồi thường thiệt hại 25 cây dừa và 30 cây đu đủ.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn Huỳnh Minh T phải nộp số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang theo biên lai thu tiền số 0008664 ngày 10 tháng 3 năm 2021. Nguyên đơn không phải nộp thêm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc nguyên đơn Huỳnh Minh T phải nộp số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang theo biên lai thu tiền số 0008133 ngày 24 tháng 5 năm 2022 nguyên đơn không phải nộp thêm.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Huỳnh Minh T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000^d (một triệu năm trăm nghìn đồng), được trừ trong số tiền tạm ứng đã nộp 8.000.000^d (tám triệu đồng). Nguyên đơn được nhận lại số tiền 6.500.000^d (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 13 tháng 01 năm 2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện P;
- CC THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Khải